

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2024/HNGĐ- ST
Ngày 24 /5/2024
(V/v: Ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Huy Diệu**, ông **Triệu Ngọc Vạn.**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa :
Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 05 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp kiện xin ly hôn chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 03 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990.(Có mặt)

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn C xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tú T1, sinh năm 2002.(vắng Mặt)

ĐKKHKT: Thôn C, xã V, huyện N , tỉnh Hải Dương.

Hiện ở tại: Thôn V xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970.(vắng Mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Anh Nguyễn Văn T trình bày anh và chị Nguyễn Thị Tú T1 kết hôn là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh và chị T1 có nhiều bất đồng về cuộc sống hàng ngày, chị T1 còn quá trẻ nên cách đối xử với gia đình không được khéo léo, hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không được cải thiện, từ tháng 03/2023, chị T1 đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở và không quay về gia đình anh. Tháng 06/2023 anh đã làm đơn ly hôn, sau đó đã rút đơn, nhưng hai bên không thể quay về sống chung, vì vậy, anh tiếp tục làm đơn xin ly hôn chị T1. Nay anh xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, anh không còn tình yêu thương chị T1 nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ : Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai.

Lời khai của của bà T2, mẹ đẻ chị T1 trình bày: Về điều kiện, thủ tục, trình tự kết hôn như anh T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T, chị T1 bà không nắm được, chỉ biết do cách đối xử của anh T với chị T1, sau đó chị T1 bỏ đi làm ăn, thi thoảng có gọi điện về cho bà. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng, anh T còn xúc phạm đến bà, nhắn tin “Con điên, mẹ nào con đấy, chó cùn cắn dậu, từ nay gia đình nhà tôi và nhà bà không liên quan đến nhau”. Bà hiện không rõ địa chỉ của chị T1 vì chị không cho biết, khi chị T1 điện thoại về bà có nói việc anh T xin ly hôn, chị T1 có biết vì nói với bà có lần hẹn anh T xuống Tòa án giải quyết nhưng anh T không xuống, nay chị đề nghị giải quyết theo pháp luật, chị không ý kiến gì.

Xác minh tại khu dân cư và UBND xã Đ cho biết: Anh T gửi đơn ly hôn trực tiếp xuống Tòa án không thông qua thôn và UBND xã nên không tổ chức hòa giải, mâu thuẫn giữa hai bên địa phương không nắm được, hiện chị T1 bỏ đi làm ăn vắng mặt tại địa phương.

Tại phiên toà: Anh Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú T1 không thay đổi, bổ sung gì thêm. Chị T1 vắng mặt không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72 BLTTDS, đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 77,78 BLTTDS. Áp dụng Điều 51,53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 21, 147, 227, 228, 238, 247 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí.

Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T: Xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị Tú T1.

Về con chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí : Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 án phí sơ theo quy định của pháp luật, được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]. **Về tố tụng:** Chị T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, chị T1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T1, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung:** Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Tú T1 hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/12/2022, tại thời điểm kết hôn anh T và chị T1 hoàn toàn tự nguyện, điều đó thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy:*Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hòa thuận được 03 tháng đã phát sinh mâu. Do hai bên có nhiều bất đồng về cuộc sống hàng ngày, chị T1 còn

quá trẻ nên cách đối nhân xử thế với gia đình không được khéo léo, Ngoài ra giữa anh T và gia đình chị T1 cũng có mâu thuẫn, chị T1 đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ tháng 03/2023 đến nay. Quan điểm đề nghị của anh T xin ly hôn với chị T1 vì xét tình cảm vợ chồng không còn gì, không thể tiếp tục chung sống, qua lời khai của bà T2 mẹ đẻ chị T1 cùng các tài liệu xác minh minh có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 đã thực sự trầm trọng bởi anh T đã làm đơn ly hôn chị T1, sau đó rút đơn và nay lại có đơn ly hôn, chị T1 đã có lần hẹn anh T xuống Tòa án giải quyết việc ly hôn của hai bên, điều đó chứng minh đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn tình yêu thương nhau. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. **Về con chung:** Không có nên không phải giải quyết.

[5]. **Về tài sản chung:** Anh T xác định không có tài sản chung, không đề nghị gì nên không phải giải quyết.

[6]. **Về án phí :** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 146, Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T

Xử: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Tú T1

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0000455 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải

ải